

Số: DBLU_22/09h00/DBQG

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2024

**TIN LŨ KHẨN CẤP TRÊN SÔNG CẦU, SÔNG THƯƠNG, SÔNG LỤC
NAM, SÔNG HOÀNG LONG VÀ SÔNG THÁI BÌNH
TIN LŨ TRÊN SÔNG THAO, SÔNG LÔ VÀ SÔNG HỒNG**

1. Hiện trạng diễn biến lũ đã qua

- Lũ trên sông Cầu (tỉnh Bắc Ninh) đang dao động ở mức đỉnh lũ 7,63m, trên báo động (BD3) 1,33m, dưới mức nước lũ lịch sử năm 1971 (7,84m) 0,21m.

- Lũ trên sông Thương (tỉnh Bắc Giang) đang dao động ở mức đỉnh lũ 7,23m, trên báo động (BD3) 0,93m, dưới mức nước lũ lịch sử năm 1986 (7,53m) 0,30m.

- Lũ trên sông Thái Bình (Thành phố Hải Dương) đang lên chậm.

- Lũ trên sông Hoàng Long (tỉnh Ninh Bình) đang lên chậm.

- Lũ trên sông Hồng (Thành phố Hà Nội) đang biến đổi chậm.

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái và Phú Thọ đang xuống.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang đang xuống.

- Lũ trên sông Lục Nam (tỉnh Bắc Giang) đang biến đổi chậm.

Mức nước lúc 07h/12/9, trên các sông như sau:

- Trên sông Thao tại Yên Bái 31,33m, trên BD2 0,33m;

- Trên sông Cầu tại Đáp Cầu 7,61m, trên BD3 1,31m;

- Trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương 7,23m, trên BD3 0,93m;

- Trên sông Lục Nam tại Lục Nam 6,33m, trên BD3 0,03m;

- Trên sông Lô tại Tuyên Quang 26,91m, trên BD3 0,91m; tại Vụ Quang 20,45m, dưới BD3 0,05m.

- Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé 4,65m, trên BD3 0,65m;

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại 6,18m, trên BD3 0,18m;

- **Trên sông Hồng tại Hà Nội 11,20m, dưới BD3 0,30m.**

2. Dự báo:

Trong 12 giờ tới:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống mức BD1.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang xuống dưới mức BD2 và Vụ Quang sẽ xuống mức BD2.

- Lũ trên sông Cầu tiếp tục dao động ở mức đỉnh trên mức BD3.

- Lũ trên sông Thương tiếp tục dao động ở mức đỉnh trên mức BD3

- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BD3.

- Lũ trên sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm ở trên mức BD3.

- Lũ trên sông Hoàng Long đang lên chậm trên mức BD3.

- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ xuống chậm nhưng vẫn ở trên BD2.**

Trong 12- 24 giờ tiếp theo:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống dưới mức BĐ1.
- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống mức BĐ1.
- Lũ trên sông Cầu sẽ xuống chậm nhưng vẫn trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thương sẽ xuống chậm nhưng vẫn trên mức BĐ3
- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm dưới mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3.
- **Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ xuống chậm dưới mức BĐ2 và ở trên BĐ1** (Chi tiết mực nước thực đo, dự báo các điểm trong Phụ lục 1).

Cảnh báo: Trong 24 giờ tới, mực nước các trạm hạ lưu hệ thống sông Hồng- Thái Bình lên mức BĐ3 và trên BĐ3. Mực nước lũ lên cao gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bãi bồi ngoài đê chính, gây tràn vỡ các đê bồi ven sông, sạt lở đê, kè có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các vị trí xung yếu ven sông thuộc các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình.

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Tình trạng ngập lụt có thể xảy ra tại các vùng trũng thấp ven sông tại các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Bắc Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hòa Bình; lũ quét và sạt lở đất trên các sườn dốc ở khu vực vùng núi Bắc Bộ (*thông tin dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực được cung cấp trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn tại địa chỉ: <http://luquetsatlo.nchmf.gov.vn/> và trong bản tin riêng cảnh báo lũ quét, sạt lở đất*).

(Chi tiết huyện có nguy cơ ngập lụt trong Phụ lục 2).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 3

5. Cảnh báo tác động của lũ:

Lũ trên các sông, suối lên gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bờ bãi ven sông bị nước xâm lấn, nhiều diện tích bãi nổi giữa sông bị ngập sâu. ảnh hưởng tới các hoạt động giao thông đường thủy, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp dân sinh và các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt tại hạ lưu sông Hồng-Thái Bình.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h30 ngày 12/9/2024

Tin phát lúc: 09h00

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Văn Đại

Phụ lục 1. Bảng trị số mực nước thực đo và dự báo

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									
			07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	01h/14/9	07h/14/9	H đỉnh	Thời gian xuất hiện
Thao	Yên Bái	H (cm)	3133	3080	3030	2990	2960						
		So sánh (cm)	>BĐ2 33	<BĐ2 20	>BĐ1 30	<BĐ1 10	<BĐ1 40						
Cầu	Đáp Cầu	H (cm)	761	765	760	755	745						
		So sánh (cm)	>BĐ3 131	>BĐ3 135	>BĐ3 130	>BĐ3 125	>BĐ3 115						
Thương	Phủ Lạng Thương	H (cm)	722	725	720	710	700						
		So sánh (cm)	>BĐ3 92	>BĐ3 95	>BĐ3 90	>BĐ3 80	>BĐ3 70						
Lục Nam	Lục Nam	H (cm)	633	635	635	630	620						
		So sánh (cm)	>BĐ3 3	>BĐ3 5	>BĐ3 5	BĐ3	<BĐ3 10						
Thái Bình	Phả Lại	H (cm)	618	620	620	615	610	605	600			625	Đêm ngày 12/9
		So sánh (cm)	>BĐ3 18	>BĐ3 20	>BĐ3 20	>BĐ3 15	>BĐ3 10	>BĐ3 5	BĐ3			>BĐ3 25	
Lô	Tuyên Quang	H (cm)	2491	2400	2340	2280	2220						
		So sánh (cm)	>BĐ2 91	BĐ2	<BĐ2 60	>BĐ1 80	>BĐ1 20						
	Vụ Quang	H (cm)	2045	1980	1910	1840	1780						
		So sánh (cm)	<BĐ3 5	>BĐ2 30	<BĐ2 40	>BĐ1 10	<BĐ1 50						
Hoàng Long	Bến Đé	H (cm)	464	510	530	525	515					540	Tối và đêm ngày 12/9
		So sánh	>BĐ3	>BĐ3	>BĐ3	>BĐ3	>BĐ3					>BĐ3	

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									Thời gian xuất hiện
			07h/12/9	13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	01h/14/9	07h/14/9	H đỉnh	
		(cm)	64	110	130	125	115					140	
Hồng	Hà Nội	H (cm)	1120	1090	1060	1040	1020	990	960	920	890		
		So sánh (cm)	<BĐ3 30	>BĐ2 40	>BĐ2 10	<BĐ2 10	<BĐ2 30	>BĐ1 40	>BĐ1 10	<BĐ1 30	<BĐ1 60		

Phụ lục 2. Nguy cơ ngập lụt ở các vùng trũng, thấp tại các Quận/ huyện

TT	Tỉnh	Quận/Huyện có nguy cơ ngập lụt
1	Yên Bái	Yên Bái, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Trấn, Lục Yên, Yên Bình, Trạm Tấu
2	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang, Lục Nam
3	Thái Nguyên	Tp. Thái Nguyên, Tp. Sông Công, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, Tx. Phổ Yên
4	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh, Yên Phong,
6	Phú Thọ	Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông, Yên Lập, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Lâm Thao, Đoan Hùng.
7	Tuyên Quang	Hàm Yên, Chiêm Hóa, Thành phố Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương
8	Hà Nội	Tây Hồ, Long Biên, Hoàn Kiếm, Gia Lâm, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Đông Anh
9	Ninh Bình	Nho Quan, Gia Viễn, Thành phố Ninh Bình, Yên Khánh
10	Hải Dương	Thanh Hà, Kinh Môn, Nam Sách, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Ninh Giang, Chí Linh, thành phố Chí Linh, thành phố Hải Dương
11	Thái Bình	Hưng Hà, Vũ Thư, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, thành phố Thái Bình
12	Nam Định	Thành phố Nam Định, Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy
13	Hà Nam	Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, Thanh Liêm
14	Vĩnh Phúc	Yên Lạc, Lập Thạch